

Số: 58/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 28 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm Đ, xã N, tỉnh Phú Thọ.

Căn cước số: 017099005415; ngày, tháng, năm cấp: 05/9/2024; nơi cấp: Bộ C.

2. Bị đơn: Chị Quàng Thị L, sinh năm 2001; nơi đăng ký thường trú: Xóm Đ, xã N, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ hiện tại: Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên.

Căn cước công dân số: 011301005526; ngày, tháng, năm cấp: 07/01/2022; nơi cấp: Bộ C.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn S và chị Quàng Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn S và chị Quàng Thị L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức B, sinh ngày 11/6/2021 cho anh Bùi Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Văn S chưa yêu cầu chị Quàng Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn S có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Quàng Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Anh Bùi Văn S và chị Quàng Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn S và chị Quàng Thị L thỏa thuận thống nhất, anh Bùi Văn S tự nguyện **chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm**, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Bùi Văn S đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000162 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ. **Trả lại cho anh Bùi Văn S 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).**

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Nhân Nghĩa, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Giàng A Tăng

